

Số: 94/2001/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Ban hành quy định về cơ chế quản lý và tổ chức đối với phường thuộc 5 quận mới, gồm quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và quận Thủ Đức.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Nghị định số 03/CP ngày 06 tháng 01 năm 1997 của Chính phủ về thành lập quận Thủ Đức, quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và thành lập các phường thuộc các quận mới tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Công văn số 6298/KTTH ngày 09 tháng 12 năm 1997 của Chính phủ về một số chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1998 của thành phố Hồ Chí Minh;
- Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố tại Tờ trình số 48 /TCCQ ngày 28 tháng 5 năm 2001;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định về cơ chế quản lý và tổ chức đối với phường thuộc 5 quận mới, gồm quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và quận Thủ Đức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và quận Thủ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Thủ tướng Chính phủ
- Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố
- Ủy ban nhân dân thành phố
- UBNDTTQTP và các Đoàn thể
- UBND các quận - huyện
- Sở - ngành thành phố
- Ban TCCQ.TP (3b)
- VPHĐ-UB: CPVP, các tổ NCTH
- Lưu (VX)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2001

QUY ĐỊNH

Về cơ chế quản lý và tổ chức đối với phường thuộc 5 quận mới,
gồm quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và quận Thủ Đức.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/2001/QĐ-UB
ngày 25 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố)

CHƯƠNG I CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC

Điều 1. Quy định này được áp dụng đối với 47/56 phường thuộc 5 quận mới của quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và quận Thủ Đức (danh sách kèm theo).

Riêng 9/56 phường (danh sách kèm theo) áp dụng đúng cơ chế quản lý phường.

Điều 2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tổ chức bộ máy và an ninh quốc phòng áp dụng như phường:

2.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 và Pháp lệnh về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở mỗi cấp ngày 25 tháng 6 năm 1996.

2.2. Về tổ chức bộ máy phường thực hiện theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ, Thông tư Liên tịch số 99/1998/TTLT ngày 19 tháng 5 năm 1998 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định 6303/QĐ-UB-NC ngày 21 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2.3. Dưới phường có tổ dân phố hoặc ấp và tổ nhân dân. Việc xác định tổ dân phố hoặc ấp và tổ nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

CHƯƠNG II VỀ QUẢN LÝ THU CHI NGÂN SÁCH, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ XÂY DỰNG

Điều 3. Quản lý thu - chi ngân sách:

Quản lý thu - chi ngân sách của 47 phường được áp dụng như xã: Theo điều 34, điều 35 và điều 36 của Luật Ngân sách Nhà nước và Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định về quản lý ngân sách xã và hoạt động tài chính khác ở xã - phường, thị trấn và các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về phân chia tỷ lệ phần trăm (%) thu ngân sách đối với các quận - huyện, phường - xã, thị trấn hàng năm.

Điều 4. Về quản lý đất đai, xây dựng của 47 phường:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được phép:

4.1- Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở với định mức đất tối đa không quá mức đất ở theo quy định của pháp luật;

4.2- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình hoặc cá nhân;

4.3- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình hoặc cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp;

4.4- Chấp thuận địa điểm xây dựng nhà ở, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình và cá nhân.

Việc xác định giá đất để phục vụ cho việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, khi sử dụng đất được căn cứ theo khung giá đất nằm ngoài khu vực đô thị.

**CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 5. Thời gian áp dụng cơ chế quản lý và tổ chức theo cơ chế kết hợp phường và xã của quy định này được thực hiện đến khi đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ ban hành quyết định chuyển sang áp dụng như phường.

Điều 6. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và quận Thủ Đức báo cáo kịp thời cho Ban Tổ chức Chính quyền thành phố để trình Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**DANH SÁCH CÁC PHƯỜNG ÁP DỤNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ
VÀ TỔ CHỨC KẾT HỢP PHƯỜNG VÀ XÃ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/2001/QĐ-UB
ngày 25 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Phường đô thị: Áp dụng cơ chế phường (9 phường)

Quận 7: 5 phường

1. Phường Tân Quy
2. Phường Tân Kiểng
3. Phường Tân Phong
4. Phường Tân Thuận Đông
5. Phường Tân Thuận Tây

Quận 9: 2 phường

6. Phường Hiệp Phú
7. Phường Phước Bình

Quận Thủ Đức: 2 phường

8. Phường Bình Thọ
9. Phường Linh Chiểu

(Tổng cộng: 9 phường)

2. Phường đô thị hóa: Áp dụng cơ chế kết hợp phường và xã (47 phường)

2.1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tổ chức bộ máy và an ninh quốc phòng: Áp dụng như phường;

2.2. Quản lý thu - chi ngân sách; quản lý đất đai, xây dựng: Áp dụng kết hợp phường và xã;

Quận 2: 11 phường

1. Phường An Phú
2. Phường Thảo Điền
3. Phường An Khánh
4. Phường Bình Khánh
5. Phường Bình An
6. Phường Thủ Thiêm
7. Phường An Lợi Đông
8. Phường Bình Trưng Đông
9. Phường Bình Trưng Tây

10. Phường Cát Lái
11. Phường Thạnh Mỹ Lợi

Quận 7: 5 phường

12. Phường Phú Mỹ
13. Phường Phú Thuận
14. Phường Bình Thuận
15. Phường Tân Phú
16. Phường Tân Hưng

Quận 9: 11 phường

17. Phường Phước Long A
18. Phường Phước Long B
19. Phường Tăng Nhơn Phú A
20. Phường Tăng Nhơn Phú B
21. Phường Long Bình
22. Phường Long Phước
23. Phường Long Thạnh Mỹ
24. Phường Long Trường
25. Phường Phú Hữu
26. Phường Tân Phú
27. Phường Trường Thạnh

Quận 12: 10 phường

28. Phường Đông Hưng Thuận
29. Phường Trung Mỹ Tây
30. Phường Tân Thới Nhất
31. Phường Hiệp Thành
32. Phường Thới An
33. Phường Tân Thới Hiệp
34. Phường Tân Chánh Hiệp
35. Phường Thạnh Lộc
36. Phường Thạnh Xuân
37. Phường An Phú Đông

Quận Thủ Đức: 10 phường

38. Phường Trường Thọ

39. Phường Bình Chiểu
 40. Phường Linh Tây
 41. Phường Tam Bình
 42. Phường Linh Đông
 43. Phường Hiệp Bình Chánh
 44. Phường Hiệp Bình Phước
 45. Phường Tam Phú
 46. Phường Linh Xuân
 47. Phường Linh Trung
- (Tổng cộng: 47 phường)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ